

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
Số: 451/NQ-HĐNN7

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 1983

QUYẾT ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC SỐ 451/NQ-HĐNN7

NGÀY 29 THÁNG 9 NĂM 1983

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều 26 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

QUYẾT NGHỊ:

Phê chuẩn Quy chế số 02/V9-TC, ngày 15 tháng 9 năm 1983 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, kèm theo Nghị quyết này, về ngạch kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân.

Viện kiểm sát nhân dân Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
tối cao Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/TC-V9 Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 1983

QUY CHẾ

NGẠCH KIỂM SÁT VIÊN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ điều 26 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 04 tháng 07 năm 1981;

Nay định quy chế ngạch kiểm sát viên như sau:

Điều 1

Vị trí, trách nhiệm kiểm sát viên.

1- Kiểm sát viên là những cán bộ ngành Kiểm sát nhân dân được Hội đồng Nhà nước cử hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm theo quy định của luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

2- Dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các kiểm sát viên làm nhiệm vụ theo sự phân công và uỷ nhiệm của Viện trưởng cấp mình.

Căn cứ để tiến hành kiểm sát là Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng.

3- Kiểm sát viên phải tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa; hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, dũng cảm đấu tranh bảo vệ chân lý, bảo vệ pháp chế thống nhất, phải đề cao ý thức, kỷ luật, tinh thần cảnh giác cách mạng; phấn đấu rèn luyện nâng cao trình độ và 5 đức tính của cán bộ kiểm sát: công minh, chính trực, khách quan, thận trọng và khiêm tốn.

Điều 2

Cấp, bậc trong ngạch kiểm sát viên:

Ngạch kiểm sát viên gồm có: kiểm sát viên cao cấp, kiểm sát viên trung cấp, kiểm sát viên sơ cấp.

1- Kiểm sát viên cao cấp 4 bậc:

- Kiểm sát viên cao cấp bậc 1
- Kiểm sát viên cao cấp bậc 2
- Kiểm sát viên cao cấp bậc 3
- Kiểm sát viên cao cấp bậc 4

2- Kiểm sát viên trung cấp 3 bậc:

- Kiểm sát viên trung cấp bậc 1
- Kiểm sát viên trung cấp bậc 2
- Kiểm sát viên trung cấp bậc 3

3- Kiểm sát viên sơ cấp 3 bậc:

- Kiểm sát viên sơ cấp bậc 1

- Kiểm sát viên sơ cấp bậc 2

- Kiểm sát viên sơ cấp bậc 3

Điều 3

Tiêu chuẩn kiểm sát viên.

1- Kiểm sát viên cao cấp.

- Có phẩm chất, năng lực chính trị vững; nắm và vận dụng tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chức năng, nhiệm vụ của ngành vào hoạt động thực tiễn công tác kiểm sát; có trình độ nghiên cứu, tổng hợp, phát hiện, đề xuất biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm.

- Tốt nghiệp cao đẳng kiểm sát hoặc đại học pháp lý.

- Học xong chương trình chính trị trung, cao cấp.

2- Kiểm sát viên trung cấp.

- Có phẩm chất chính trị tốt; nắm được đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghiệp vụ công tác kiểm sát - có năng lực hoạt động thực tiễn và khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Tốt nghiệp phổ thông trung học.

- Tốt nghiệp trung cấp kiểm sát hoặc trung cấp pháp lý trở lên.

- Học xong chương trình chính trị trung cấp.

3- Kiểm sát viên sơ cấp.

- Có phẩm chất chính trị tốt, nhận thức được đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hiểu biết các khâu nghiệp vụ kiểm sát và làm tốt một khâu.

- Tốt nghiệp phổ thông trung học.

- Học xong chương trình trung cấp kiểm sát hoặc trung cấp pháp lý.

Điều 4

Đối tượng được bổ nhiệm và phong cấp, bậc kiểm sát viên.

1- Cán bộ công tác trong ngành kiểm sát nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định trong quy chế này.

2- Học sinh được đào tạo ở các trường trung cấp hoặc cao đẳng kiểm sát, sau khi hết thời gian tập sự và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3- Học sinh được đào tạo ở các trường cao đẳng hoặc đại học pháp lý khác, sau khi hết thời gian tập sự phải có thời gian công tác trong ngành 1 năm trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4- Cán bộ từ cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chuyển sang ngành Kiểm sát phải có đủ tiêu chuẩn quy định trong quy chế này và phải có thời gian công tác trong ngành kiểm sát 1 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 5

Thời hạn phong, thăng cấp, bậc kiểm sát viên.

1- Việc phong cấp, bậc kiểm sát viên phải căn cứ vào tiêu chuẩn quy định cho mỗi cấp, vào việc hoàn thành nhiệm vụ được giao và theo thời hạn dưới đây:

- Kiểm sát viên sơ cấp bậc 1 lên kiểm sát viên sơ cấp

bậc 2 là 3 năm,

- Kiểm sát viên sơ cấp bậc 2 lên kiểm sát viên sơ cấp

bậc 3 là 3 năm,

- Kiểm sát viên sơ cấp bậc 3 lên kiểm sát viên trung cấp

bậc 1 là 4 năm,

- Kiểm sát viên trung cấp bậc 1 lên kiểm sát viên trung cấp

bậc 2 là 4 năm,

- Kiểm sát viên trung cấp bậc 2 lên kiểm sát viên trung cấp

bậc 3 là 4 năm,

- Kiểm sát viên trung cấp bậc 3 lên kiểm sát viên cao cấp

bậc 1 là 5 năm,

- Kiểm sát viên cao cấp bậc 1 lên kiểm sát viên cao cấp

bậc 2 là 5 năm,

- Kiểm sát viên cao cấp bậc 2 lên kiểm sát viên cao cấp

bậc 3 là 5 năm,

Thời hạn lưu lại ở bậc 3 kiểm sát viên cao cấp không quy định.

2- Thời gian đi học chính trị, văn hoá, nghiệp vụ và các nghĩa vụ khác theo quy định của Nhà nước đều được tính để phong cấp bậc.

3- Đến thời hạn xét thăng bậc, kiểm sát viên phải qua nhận xét định kỳ và đề nghị của thủ trưởng đơn vị công tác. Nếu chưa đủ tiêu chuẩn thăng bậc thì được kéo dài thêm một thời hạn của cấp, bậc đang giữ; hết thời hạn đó mà vẫn không đủ tiêu chuẩn thì được chuyển sang ngạch cán sự hoặc chuyên viên pháp lý.

4- Kiểm sát viên có thành tích xuất sắc trong công tác thì được xét phong cấp, bậc trước thời hạn.

Mỗi lần thăng chỉ được 1 bậc. Trong trường hợp đặc biệt có thể được thăng 2 bậc.

5- Kiểm sát viên có phạm sai lầm trong công tác, vi phạm phẩm chất, đạo đức có thể bị giáng cấp, bậc. Mỗi lần chỉ giáng 1 bậc. Trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị giáng 2 bậc; bị thi hành kỷ luật hành chính theo quy định chung của Nhà nước. Nếu phạm tội thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Cấp có thẩm quyền phong cấp, bậc nào thì có quyền giáng cấp, bậc đó.

Điều 6

Trình tự phong, thăng cấp, bậc kiểm sát viên.

1- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu.

2- Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Hội đồng Nhà nước cử và xếp vào bậc 4 kiểm sát viên cao cấp.

3- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao do hội đồng Nhà nước cử và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xếp vào kiểm sát viên cao cấp theo quy chế.

4- Viện trưởng, Phó Viện trưởng, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân địa phương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm và phong cấp, bậc.

Điều 7

Chế độ trang phục và giấy chứng minh.

1- Kiểm sát viên được cấp trang phục thống nhất sau đây:

- Phù hiệu,
- Cấp hiệu,
- Quần áo thu đông và xuân hè,
- Các trang phục cần thiết khác,
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có cấp hiệu riêng.